

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-HĐTHI

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

**Lịch thi và danh sách phòng thi kỳ thi đánh giá năng lực Ngoại ngữ
theo chuẩn đầu ra; đợt thi ngày 04 tháng 11 năm 2023**

I. LỊCH THI

Ngày	Buổi	Môn thi/ Kỹ năng thi	Phòng thi	Địa điểm (Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học; Tầng 3, Nhà B1)	Thời gian làm bài	Thời gian thí sinh có mặt
Thứ Bảy 04/11/2023	Sáng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Đọc - Viết - Nghe	01	Phòng học lý thuyết 01	- Đọc: 45 phút - Viết: 45 phút	6h45'
			02	Phòng học tiếng 02	- Nghe: 30 phút	
		Tiếng Anh bậc 3 (B1) (Nói)	01 02	1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng học lý thuyết 01 2. Phòng vấn đáp: Phòng học tiếng 02	- Chuẩn bị: 5 phút - Hội thoại: 10-12 phút	9h35'

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN Thứ Bảy ngày 04/11/2023	CHỦ TRÌ
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ	6:45 - 6:50	Chủ tịch HĐ
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui thi	6:50 - 7:00	Thư ký HĐ
3	- Đánh số báo danh, - Gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Hướng dẫn thí sinh ghi các	7:00 - 7:15	Cán bộ coi thi 1

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN Thứ Bảy ngày 04/11/2023	CHỦ TRÌ
	thông tin trên Đề thi và Phiếu trả lời		
4	Nhận đề thi tại phòng Hội đồng	7:15 - 7:20	Cán bộ coi thi 1
5	Bóc, phát đề thi	7:20 - 7:30	Cán bộ coi thi
6	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi	7:30 (Đọc) 8:15 (Viết) 9:00 (Nghe) 9:35 (Nói)	Cán bộ coi thi
7	Thu bài thi	(Đọc + Viết + Nghe) 9:30 (Nói) 11:40	Cán bộ coi thi
8	Nộp bài thi, biên bản phòng thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ tại phòng thi	Cán bộ coi thi và Ban thư ký
9	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Chủ tịch HĐ

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- HĐTHI; Thí sinh (t/h);
- Lưu: VT, NNTH.

TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Mai Thị Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Thí sinh dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 (B1)

PHÒNG THI: 01

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Ghi chú (Giờ thi Nói)
1	TA01	Đặng Thị Phương	Anh	04/06/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0471KTO	9h50'-10h00'
2	TA02	Nguyễn Thị Mai	Anh	10/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	D - QLĐĐ11A	21D0475QLD	
3	TA03	Nguyễn Tiến	Anh	20/04/2003	Thái Bình	Nam	D - THUY11A	21D0627THY	10h00'-10h10'
4	TA04	Vũ Quốc	Ân	02/08/2003	Nam Định	Nam	D - THUY11A	21D0626THY	
5	TA05	Phùng Thị	Bích	05/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	D - QLĐĐ11A	21D0476QLD	10h10'-10h20'
6	TA06	Nguyễn Hoàng Tuấn	Cao	06/10/2003	Bắc Giang	Nam	D - KINHTE11A	21D0039KTE	
7	TA07	Nguyễn Văn	Chiến	01/04/2003	Bắc Ninh	Nam	D - THUY11A	21D0628THY	10h20'-10h30'
8	TA08	Nguyễn Thành	Công	19/08/2001	Bắc Giang	Nam	D - KINHTE11A	22D0045KTE	
9	TA09	Chu Thị	Dung	02/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0503KTO	10h30'-10h40'
10	TA10	Chu Thế	Hải	05/03/2003	Bắc Ninh	Nam	D - THUY11A	21D0633THY	
11	TA11	Ngô Thị Thanh	Hằng	04/10/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0407KTO	10h40'-10h50'
12	TA12	Lưu Văn	Hòa	15/10/1998	Bắc Giang	Nam	CĐ-THUY 18A	17CTY0106	
13	TA13	Nguyễn Đình Vân	Khang	03/12/2003	Bắc Ninh	Nam	D - QLĐĐ11A	21D0479QLD	10h50'-11h00'
14	TA14	Nguyễn Hữu Nam	Khánh	06/10/2003	Bắc Ninh	Nam	D - QLĐĐ11A	21D0480QLD	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Ghi chú (Giờ thi Nói)
15	TA15	Nguyễn Đức	Khiêm	17/05/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0636THY	11h00'-11h10'
16	TA16	Vũ Hải	Kỳ	18/09/2002	Hà Giang	Nam	D - THUY11A	21D0638THY	
17	TA17	Nguyễn Thị Thu	Lan	16/10/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0511KTO	11h10'-11h20'
18	TA18	Trần Thị Mai	Lan	22/01/2002	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	22D0530KTO	
19	TA19	Đỗ Thanh	Long	01/11/2003	Hà Nội	Nam	D - THUY11A	21D0640THY	11h20'-11h30'
20	TA20	Quản Thế	Lợi	18/05/2003	Bắc Ninh	Nam	D - QLĐĐ11A	21D0483QLD	
21	TA21	Vi Văn	Lương	19/03/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0641THY	11h30'-11h40'

Danh sách phòng 01 gồm 21 thí sinh./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Thí sinh dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 (B1)

PHÒNG THI: 02

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Ghi chú (Giờ thi Nói)
1	TA22	Nguyễn Đức	Mạnh	18/12/2001	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0643THY	9h50'-10h00'
2	TA23	Vũ Thị Trà	My	08/06/2002	Bắc Giang	Nữ	D - QLĐĐ11A	21D0484QLD	
3	TA24	Bùi Thị Bích	Ngọc	28/05/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0517KTO	10h00'-10h10'
4	TA25	Đoàn Thị Ánh	Ngọc	05/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	D - KETOAN11A	21D0518KTO	
5	TA26	Nguyễn Hữu	Nhật	30/03/2003	Bắc Ninh	Nam	D - THUY11A	21D0646THY	10h10'-10h20'
6	TA27	Đỗ Hùng	Phi	03/11/2003	Hà Nội	Nam	D - KETOAN11A	21D0521KTO	
7	TA28	Nguyễn Sỹ	Phương	15/10/2003	Bình Phước	Nam	D - KETOAN11A	21D0522KTO	10h20'-10h30'
8	TA29	Nguyễn Đức	Quân	19/10/2003	Bắc Giang	Nam	D - KETOAN11A	21D0523KTO	
9	TA30	Hoàng Xuân	Quý	20/01/2003	Lạng Sơn	Nam	D - THUY11A	21D0647THY	10h30'-10h40'
10	TA31	Lợi Quý	Quyền	19/02/2000	Hà Nội	Nam	D - THUY11A	21D0649THY	
11	TA32	Nguyễn Xuân	Quyền	27/12/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0648THY	10h40'-10h50'
12	TA33	Lạc Thanh	Tâm	10/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0059NTQ	
13	TA34	Phan Văn	Tấn	01/01/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0650THY	10h50'-11h00'
14	TA35	Dương Ngô	Thành	01/09/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0652THY	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Ghi chú (Giờ thi Nói)
15	TA36	Đỗ Thị Thơm	27/08/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0524KTO	11h00'-11h10'
16	TA37	Lương Thị Thúy	20/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0525KTO	
17	TA38	Nguyễn Thị Thu Trang	27/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0527KTO	11h10'-11h20'
18	TA39	Thân Thị Kiều Trang	05/01/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0088NTQ	
19	TA40	Trần Thị Ngọc Trâm	12/08/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	22D0531KTO	11h20'-11h30'
20	TA41	Nguyễn Đức Tuấn	18/03/2003	Bắc Giang	Nam	D - KETOAN11A	21D0528KTO	
21	TA42	Phan Minh Tuệ	01/03/2003	Thái Bình	Nam	D - THUY11A	21D0654THY	11h30'-11h40'
22	TA43	Hà Trần Ngọc Uyên	12/11/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0529KTO	

Danh sách phòng 02 gồm 22 thí sinh./.